

Số: /KH-UBND

Anh Sơn, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Sản xuất vụ xuân năm 2026

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2025

Sản xuất vụ Xuân năm 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến cực đoan, nhiệt độ không khí trung bình thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước, đặc biệt là tần suất xảy ra các đợt không khí lạnh nhiều hơn. Từ tháng 01 năm 2025 đến đầu tháng 05 năm 2025 có 14 đợt không khí lạnh, chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm lớn, ban ngày nhiệt độ cao, ban đêm nhiệt độ xuống, thấp thay đổi nhanh, thời gian, cường độ chiếu sáng thấp,... đã ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của các cây trồng, đặc biệt là cây lúa giai đoạn làm đòng - trở bông. Giai đoạn cuối vụ bị ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan như mưa lớn, đông lốc đã làm một số diện tích lúa, ngô bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, với sự vào cuộc kịp thời, quyết liệt của các ban, ngành từ xã đến thôn, bản trong tổ chức chỉ đạo sản xuất và sự nỗ lực cố gắng của bà con nông dân trong đầu tư thâm canh, tưới tiêu, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và phòng trừ sâu bệnh hại nên vụ Xuân năm 2025 đã đạt được kết quả đáng ghi nhận.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

UBND xã đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo gồm: 03 Kế hoạch, 04 Công văn và 05 thông báo nhằm triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc để chỉ đạo sản xuất, thường xuyên trực tiếp xuống các thôn, bản kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn nhân dân tổ chức sản xuất đúng thời vụ.

Trong quá trình sản xuất, lãnh đạo UBND xã đã trực tiếp xuống tại thôn, bản để chỉ đạo, kịp thời triển khai các biện pháp phòng, chống rét đậm, rét hại, ứng phó với các diễn biến bất thường của thời tiết và tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng.

2. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch vụ Xuân năm 2025

- Tổng diện tích gieo trồng vụ Xuân năm 2025 là 1.224,5 ha/KH 1224,5 ha (đạt 100%), diện tích cho thu hoạch là 1.205,92 ha/KH 1.224,5 ha (đạt 98,5%). Sản lượng 8.531,26 tấn/KH 8.520,0 tấn (đạt 100,13 %). Trong đó:

+ Cây lúa: Diện tích gieo trồng 690,0 ha/690,0 ha (đạt 100%), diện tích cho thu hoạch là 690,0 ha/KH 690,0 ha (đạt 100 %). Năng suất 63 tạ/ha/KH 61,6 tạ/ha (đạt 102,2%). Sản lượng 4.347 tấn/KH 4.250,4 tấn (đạt 102,3 %).

+ Cây ngô: Diện tích gieo trồng 406,0 ha/KH 406,0 ha (đạt 100%), diện tích cho thu hoạch là 387,42 ha/KH 406 ha (đạt 95,4 %). Diện tích thu hoạch giảm do ảnh hưởng của hai lần gió lốc (*Lần 1: Ngày 12/4/2025 đến ngày 5/5/2025, làm thiệt hại 17,7 ha; Lần 2: Ngày 9/5/2025 đến ngày 26/5/2025 làm thiệt hại: 0,88 ha*). Năng suất 61,0 tạ/ha/KH 61,0 tạ/ha (đạt 100%). Sản lượng 2.363,2 tấn/KH 2.476,6 (đạt 95,4%).

+ Cây lạc: Diện tích gieo trồng 8,5 ha, năng suất 38,5 tạ/ha/38,5 tạ/ha (đạt 100%), sản lượng 33,0 tấn/KH 33,0 tấn (đạt 100 %).

3. Sử dụng phân bón

- Hiện nay các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã sử dụng rất đa dạng về chủng loại và số lượng phân bón trong sản xuất nông nghiệp, người dân sử dụng phân bón vô cơ chiếm tỷ lệ lớn. Trong thời gian vừa qua, người dân đã có xu hướng tăng lượng sử dụng phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh nhưng vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ.

- Bên cạnh đó, một số nơi vẫn sử dụng lượng phân bón vô cơ cao hơn so với khuyến cáo, bón phân mất cân đối và chưa đúng với thời điểm. Do đó, ảnh hưởng hiệu quả sử dụng phân bón, sâu bệnh gây hại, chất lượng nông sản cũng như ảnh hưởng đến tính chất đất, nguồn nước.

4. Công tác bảo vệ thực vật, thủy lợi

- *Về công tác Bảo vệ thực vật:* Nhìn chung trong vụ Xuân năm 2025, công tác chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh hại đã được triển khai thực hiện tốt, đặc biệt trên những diện tích có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh cao cơ bản đã được phòng trừ kịp thời có hiệu quả. Vụ Xuân 2025 do chênh lệch nhiệt độ ngày đêm lớn, rét đậm rét hại kéo dài nên gây ra hiện tượng cây lúa bị vàng lá sinh lý và kéo dài thời gian sinh trưởng đồng loạt gây hoang mang cho bà con nông dân, một số diện tích lúa có tỷ lệ hạt lép cao. Nhưng công tác hướng dẫn chỉ đạo kịp thời nên bà con nông dân cơ bản yên tâm và đã hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV không cần thiết.

- *Về công tác thủy lợi:* Đã thực hiện tốt công tác tưới tiêu, điều tiết nước kịp thời, hợp lý đảm bảo phục vụ sản xuất.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

- Việc xây dựng, triển khai kế hoạch, được triển khai kịp thời, hoạt động kiểm

tra giống, vật tư sản xuất được tăng cường.

- Cơ bản các thôn, bản sử dụng giống chất lượng theo định hướng cơ cấu, giống mới đưa vào sản xuất lịch thời vụ gieo cấy theo kế hoạch sản xuất của xã.

- Chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng của một số cây trồng đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Sự vào cuộc sát sao của các ban ngành trong việc tham gia ban chỉ đạo, công tác tuyên truyền đầu tư thâm canh, áp dụng các tiên bộ kỹ thuật, nhất là đưa giống mới vào sản xuất thay thế giống cũ, công tác dự tính dự báo, phòng trừ dịch hại kịp thời nên vụ Xuân năm 2025 năng suất các cây trồng cơ bản đạt kết quả cao.

2. Tồn tại

- Công tác quản lý nhà nước về giống, vật tư nông nghiệp mặc dù đã tổ chức cung ứng giống tập trung nhưng vẫn còn tình trạng một bộ phận người dân sử dụng giống không rõ nguồn gốc giống kém chất lượng, giống bán trôi nổi trên thị trường mạng và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ không có giấy phép ảnh hưởng đến quản lý dịch bệnh và năng suất sản lượng.

- Diện tích các cây trồng được liên kết tiêu thụ, bao tiêu sản phẩm trong vụ Xuân năm 2025 còn thấp.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân đạt được

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Đảng ủy, HĐND, sự phối hợp của Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên, công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được triển khai kịp thời, sát thực tế. Các văn bản chỉ đạo phù hợp với diễn biến thời tiết, bà con nông dân có nhiều kinh nghiệm, chủ động phòng, chống dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Cán bộ chuyên môn bám sát đồng ruộng, theo dõi diễn biến của các loại dịch bệnh, tham mưu kịp thời các giải pháp cho UBND xã chỉ đạo điều hành có hiệu quả.

- Nhiều tiên bộ kỹ thuật về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật được áp dụng vào sản xuất có hiệu quả. Chính sách hỗ trợ và định hướng đầu tư phát triển nông nghiệp phù hợp, phát huy hiệu quả.

- Hệ thống giao thông, thủy lợi được nâng cấp, hồ chứa trên địa bàn lượng nước đều ở mức đảm bảo tưới an toàn cho diện tích khung tưới.

- Nguồn giống, vật tư phân bón dồi dào, việc ứng dụng cơ giới trong sản xuất ngày càng nhiều, làm giảm chi phí, tăng năng suất lao động.

3.2. Nguyên nhân tồn tại

- Việc huy động các nguồn lực để đầu tư cho phát triển sản xuất ở một số thôn, bản chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt trong việc nhân rộng các mô hình

ứng dụng tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả và liên kết sản xuất;

- Trên một cánh đồng còn sản xuất nhiều loại giống nên việc quản lý, phòng trừ sâu bệnh và điều tiết nước tưới khá phức tạp.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ XUÂN NĂM 2026

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2026

1. Dự báo tình hình thời tiết

Theo dự báo của Đài Khí tượng - Thủy văn Nghệ An tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 10 năm 2025 đến tháng 3 năm 2026 như sau:

- **Hiện tượng ENSO:** Dự báo, thời kỳ từ tháng 11 năm 2025 đến tháng 03 năm 2026, hiện tượng ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính và nghiêng về pha lạnh, nhưng chưa đạt trạng thái La Nina.

- **Bão và Áp thấp nhiệt đới:** Từ tháng 10 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025, bão ATNĐ có khả năng hoạt động trên khu vực Biển Đông ở mức cao hơn so với mức trung bình nhiều năm và có khoảng 01 cơn ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An. Từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 03 năm 2026, bão và ATNĐ hoạt động trên Biển Đông ở mức tương đương so với mức trung bình nhiều năm (khoảng 1 - 2 cơn), nhưng ít có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An.

- **Không khí lạnh:** Từ khoảng nửa cuối tháng 10 năm 2025, không khí lạnh có xu hướng gia tăng cường độ và tần suất. Không khí lạnh có khả năng hoạt động mạnh trong tháng 11 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025, hiện tượng rét đậm có khả năng xuất hiện từ nửa cuối tháng 12 (tương đương so với mức trung bình nhiều năm). Không khí lạnh tiếp tục hoạt động mạnh trong tháng 01 năm 2026, từ tháng 3 năm 2026 không khí lạnh suy giảm dần; rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện ở mức xấp xỉ so với mức trung bình nhiều năm cùng thời kỳ (từ 3 - 4 đợt).

- **Nhiệt độ:** Từ tháng 11 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025 có xu hướng thấp hơn từ 0,5 - 1,0 độ C so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ (tháng 10: 24.0 - 25.0 độ C; tháng 11: 21 - 22.5 độ C; tháng 12: 18.0 - 19.0 độ C). Từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 03 năm 2026, nhiệt độ phổ biến xấp xỉ so với mức trung bình nhiều năm cùng thời kỳ (tháng 1: 17.5 - 18.5 độ C; tháng 2: 18.5 - 20.0 độ C; tháng 3: 20.5 - 22.5 độ C).

- Lượng mưa:

+ Tháng 10 năm 2025 đến tháng 11 năm 2025: Tổng lượng mưa phổ biến ở mức cao hơn 10% - 30% so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ (tháng 10: phía Bắc 150 - 250mm, phía Nam 350 - 520mm; tháng 11: phía Bắc 40 - 80mm, phía Nam 80 - 150mm).

+ Tháng 12 năm 2025: Tổng lượng mưa phổ biến ở mức thấp hơn 10% - 20% so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ (tháng 12: 20 - 80mm).

+ Từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 03 năm 2026: Tổng lượng mưa xấp xỉ so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ (tháng 01: 15 - 50mm; tháng 2: 15 - 40mm; tháng 3: 30 - 60mm).

2. Nhận định về tình hình nguồn nước

Các hồ chứa hiện nay đảm bảo đủ nước phục vụ tưới cho cây trồng vụ xuân.

3. Nhận định về tình hình sâu bệnh hại

Dự báo trong vụ Xuân năm 2026 diễn biến sinh vật gây hại cây trồng như: Ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh lem lép hạt, bạc lá vi khuẩn, nhện gié, chuột, rầy nâu – rầy lưng trắng ,... hại lúa; sâu keo mùa thu, sâu xám, chuột... hại ngô; bệnh khảm vi rút, nhện đỏ hại sắn; bệnh đốm lá, bọ trĩ, sâu vẽ bùa, chết ẻo trên bầu bí... sẽ diễn biến phức tạp, khó lường, cục bộ một số diện tích có khả năng bị gây hại nặng gây ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng sản phẩm

4. Những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất vụ Xuân 2026

4.1. Thuận lợi

- Là năm đầu tiên thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025 - 2030, do đó cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ xã đến thôn, bản quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo cũng như có các cơ chế, chính sách để khuyến khích, đưa nhanh các khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật áp dụng vào sản xuất.

- Việc đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên tất cả các lĩnh vực cùng với các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (*hữu cơ, VietGAP,...*), liên kết sản xuất, cơ giới hóa (*khâu làm đất, gieo cấy, thu hoạch, phun thuốc BVTV bằng máy*),... ngày càng khẳng định được hiệu quả là điều kiện thuận lợi để phát triển, ứng dụng vào sản xuất sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm công lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Lượng nước tại các hồ đập đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2026.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

- Cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày được ứng dụng rộng rãi nhất là khâu làm đất, thu hoạch, cấy máy, phun thuốc BVTV bằng máy sẽ tạo điều kiện cho việc giảm công lao động, đẩy nhanh thời vụ sản xuất.

4.2. Khó khăn

- Vụ Xuân năm 2026 được dự báo không khí lạnh có xu hướng gia tăng cường độ và tần suất từ khoảng nửa cuối tháng 10 năm 2025. Nền nhiệt trong tháng 12 năm 2025 có xu hướng thấp hơn từ 0,5 - 1,0 độ C so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ. Từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 3 năm 2026 nhiệt độ phổ biến xấp xỉ so với mức trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Thời điểm rét đậm, rét hại xuất hiện từ nửa cuối tháng 12 năm 2025 và tiếp tục hoạt động mạnh trong tháng 01 năm 2026 đến tháng 02 năm 2026. Do đó, thời tiết rét đậm rét hại trùng với thời gian ra mạ, gieo cấy nên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất cũng như tiềm ẩn nguy cơ bị thiệt hại các cây trồng do thời tiết gây ra.

- Giá cả vật tư nông nghiệp nhất là phân bón dự báo tăng sẽ tác động đến đầu tư sản xuất của người dân và ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cây trồng.

- Hệ thống thủy lợi tuy đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, các công trình thủy lợi, kênh mương, cống,... bị thiệt hại, hư hỏng do các cơn bão của năm 2025 sẽ ảnh hưởng đến công tác tưới tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2026.

- Trong vụ Xuân năm 2026 tiềm ẩn nguy cơ một số đối tượng dịch hại phát sinh gây hại như: bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, đen lép hạt, nhện gié, chuột, ... trên cây lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2026

1. Phương hướng

- Xây dựng kế hoạch sản xuất với cơ cấu cây trồng, giống và thời vụ hợp lý, phù hợp từng vùng, huy động cả hệ thống chính trị tập trung chỉ đạo, khai thác hiệu quả các nguồn lực, phấn đấu vụ Xuân năm 2026 đạt diện tích, năng suất, sản lượng cao, bảo đảm sản xuất an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường áp dụng các khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất an toàn (*VietGAP, hữu cơ,...*) trong sản xuất trên các loại cây trồng.

2. Chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2026

2.1. Sản xuất lương thực

Chỉ tiêu phân đấu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng trong vụ Xuân năm 2026 như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lúa	690,0		4.422
<i>1.1</i>	<i>Lúa lai</i>	<i>250,0</i>	<i>66,0</i>	<i>1.650</i>

1.2	Lúa thuần	440,0	63,0	2.772
2	Cây ngô	400,0		3.596
2.1	Ngô lấy hạt	360,0	61,0	2.196
2.2	Ngô sinh khối	40,0	350,0	1.400
Tổng cộng				8.018

2.2. Các cây trồng ngắn ngày khác

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây Lạc	8,5	25,0	21,25
2	Rau các loại	120	150,0	1.800
3	Khoai lang	15	70,0	105

2.3. Cây nguyên liệu

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Trồng sản nguyên liệu	80,0	230,0	1.840
2	Tổng diện tích mía cả năm	150,0	600,0	9.000

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

1.1. Cây lúa

a) **Thời vụ:** Vụ Xuân năm 2026 được dự báo nền nhiệt thấp hơn từ 0,5 - 1,0 độ C so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ. Từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 3 năm 2026 nhiệt độ phổ biến xấp xỉ so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ, rét đậm, rét hại xuất hiện từ nửa cuối tháng 12 năm 2025 và tiếp tục hoạt động mạnh trong tháng 01 năm 2026 đến tháng 02 năm 2026. Đến tháng 3 năm 2026 không khí lạnh suy giảm dần nhưng rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện ở mức xấp xỉ so với mức trung bình nhiều năm cùng kỳ. Lập Xuân năm 2026 vào ngày 04/02/2026 (tức ngày 17/12/2025 Âm lịch). Do đó, để đảm bảo cây lúa

trở an toàn, tránh gặp rét, khung thời vụ bố trí cho vụ Xuân năm 2026 chính vụ như sau:

Thời vụ gieo mạ	Thời vụ cấy	Tuổi mạ	Thời gian sinh trưởng
Từ ngày 13/01/2026 đến ngày 15/01/2026 (Tức ngày 25/11/2025 đến ngày 27/11/ năm 2025 Âm lịch)	Từ ngày 05/02/2026 đến ngày 10/02/2026 (Tức ngày 18/12/2025 đến ngày 23/12/2025 Âm lịch)	3 - 3,5 lá	125 - 135 ngày
Thời gian gieo thẳng từ ngày 22/01/2026 đến ngày 05/02/2026 (Tức ngày 04/12/2025 đến ngày 18/12/2025 Âm lịch)			

(có phụ lục Kế hoạch điều tiết nước kèm theo)

Lưu ý:

- *Tuân thủ nghiêm túc lịch thời vụ để lúa trở an toàn từ ngày 15/4/2026 đến ngày 25/4/2026. Tuyệt đối không gieo cấy sớm trước lịch thời vụ để tránh lúa trở quá sớm, gặp rét ảnh hưởng đến năng suất như vụ Xuân năm 2025.*

- *Tập trung gieo mạ có che phủ nilon 100% diện tích để chống rét, chống chuột, đồng thời phòng trừ rầy lưng trắng xâm nhập truyền bệnh lùn sọc đen. Trong thời gian rét đậm, rét hại nhiệt thấp (dưới 15°C) không bón thúc đậm cho mạ, hạn chế tối đa việc gieo thẳng lúa để hạn chế lúa chết rét.*

- *Dừng gieo, cấy vào những ngày có rét đậm, rét hại, nhiệt độ thấp (dưới 15°C) để tránh thiệt hại, hạn chế gieo thẳng lúa để tránh thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra.*

Các thôn, bản căn cứ thời gian sinh trưởng của các giống lúa để bố trí lịch gieo mạ phù hợp, những giống lúa có thời gian sinh trưởng dài ngày thì bố trí gieo đầu khung thời vụ, những giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn hơn thì bố trí gieo cuối khung thời vụ để lúa trở từ ngày 15/4/2026 đến ngày 20/4/2026 tránh gặp mưa rét cuối vụ ảnh hưởng đến năng suất.

b) Cơ cấu giống: Cơ cấu các giống lúa sản xuất trong vụ Xuân năm 2026 định hướng và ưu tiên các loại giống sau:

* *Giống lúa thuần:* VNR 20, Thiên ưu 8, NA2, ĐT 100.

* *Giống lúa lai:* Thái Xuyên 111, VT868, VT404 (giống Thái Xuyên 111 là giống năng suất cao, chất lượng gạo ngon nhưng vụ xuân dễ nhiễm bệnh Đạo Ôn)

1.2. Cây ngô

- Tập trung gieo tria từ ngày 07/02/2026 đến ngày 12/2/2025 (tức ngày 20/12/2025 đến ngày 25/12/2025 Âm lịch)

- Sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh đặc biệt là sâu keo mùa thu, với các giống sau: CP 511S, NK6101BGT, DK 8282S, NK 6275.

1.3. Cây lạc

- Sử dụng các giống: L14, L23, L26...

1.4. Rau các loại

- Tranh thủ gieo trồng khi có quỹ đất và điều kiện thời tiết thuận lợi.

1.5. Cây mía nguyên liệu

- Có thể trồng từ tháng 11 năm 2025 đến hết tháng 3 năm 2026, nhưng thời vụ tốt nhất cho cây mía là từ ngày 02/02/2026 đến ngày 15/3/2026.

- Sử dụng các loại giống như: KK3, LK92-11, QĐ159.

1.6. Cây sản nguyên liệu

- Xuống giống trồng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/3/2026.

- Về giống có thể sử dụng các giống như: KM94, KM140, STB1, HN1,...

2. Về phân bón

- Sử dụng phân bón cân đối, hợp lý, bón đủ liều lượng, đúng loại, cân đối và đúng thời điểm cho từng loại cây trồng đối với từng chân đất và mùa vụ để tăng hiệu quả sử dụng phân bón, đảm bảo năng suất.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, xây dựng mô hình để khuyến khích người dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu phân bón hóa học, đồng thời cải tạo tính chất đất, giúp cây trồng dễ hấp thu, chống chịu với điều kiện bất thuận, vừa giảm chi phí đầu vào, đảm bảo an toàn với môi trường và sức khỏe con người.

3. Công tác Bảo vệ thực vật

- Tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng. Tập trung hướng dẫn phòng trừ các đối tượng sinh vật gây hại chủ yếu như: Chuột, ốc brou vàng, bệnh đạo ôn, bệnh lem lép hạt, bệnh khô vằn, rầy nâu - RLT... hại lúa; chuột, sâu keo mùa thu hại ngô; bệnh đốm lá, bọ trĩ, bọ rùa trên bầu bí, rau màu...

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp. Hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc

có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng để nâng cao chất lượng nông sản, giảm tồn dư thuốc BVTV trong nông sản, trong đất.

4. Công tác Thủy lợi

- Xây dựng sớm phương án cấp nước phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2026, lập kế hoạch tưới nước từ công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có để cơ cấu cây trồng hợp lý.

- Phối hợp, sẵn sàng lấy nước và dự trữ vào hệ thống và trên ruộng đồng khi các nhà máy thủy điện xả nước tối đa phục vụ sản xuất.

- Đối với hệ thống tưới tập trung đẩy nhanh tiến độ tu sửa kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm, đảm bảo các công trình sẵn sàng vận hành phục vụ sản xuất.

- Đối với hệ thống tưới tiêu triển khai huy động nhân dân tập trung nạo vét, thông thoát hệ thống kênh tiêu (nhất là kênh tiêu nội đồng) bị bồi lấp, ách tắc, đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời khi có mưa, lũ. Đồng thời, chủ động trữ nước trong nội đồng khi có thông tin thời tiết bất lợi về nguồn nước.

- Tổ chức quản lý vận hành các hệ thống và các công trình thủy lợi phù hợp, hiệu quả; ưu tiên tưới vào thời kỳ lúa làm đòng - trổ bông.

- Có phương án chủ động đối phó khi hạn hán xảy ra nhất là vùng cuối kênh mương.

5. Cơ chế chính sách

- Chính sách hỗ trợ quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND, ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Cụ thể vụ xuân năm 2026 thực hiện chính sách hỗ trợ 100% kinh phí mua phân hữu cơ để cải tạo đất tại các vùng ruộng bị ngập lụt nặng do ảnh hưởng của Bão lụt.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật để khôi phục sản xuất theo Nghị định 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 05/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo, tổ giúp việc

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các thôn, bản triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2026.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, đơn vị từng thành viên phụ trách, phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chức năng để tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên ở thôn, bản tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2026 đến tận các thôn, bản và toàn thể nhân dân.

- Trực tiếp bám sát địa bàn được phân công để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các thực hiện sản xuất vụ Xuân năm 2026 đạt kết quả cao.

- Định kỳ báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện và tình hình sản xuất của các thôn, bản được phân công phụ trách chỉ đạo về UBND xã (*qua Phòng Kinh tế*) trước 16 giờ hàng ngày để tổng hợp.

2. Phòng Kinh tế

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn xã về nông nghiệp, phối hợp với các ban, ngành, các thôn, bản trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2026. Tham mưu thành lập bản chỉ đạo, tổ triển khai thực hiện, chỉ đạo sản xuất, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, nông thôn sản phẩm theo quy định hiện hành.

- Tham mưu xây dựng, đề xuất các phương án để chỉ đạo các thôn, bản thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục thiệt hại đối với những tình huống thời tiết bất thuận như rét đậm, rét hại, dịch hại cây trồng,... để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2026 trên địa bàn xã.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với các thôn, bản và thông qua các phương tiện g tin đại chúng, các trạng mạng xã hội chính thống để phổ biến, khuyến cáo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất và hiệu quả sản phẩm.

3. Trung tâm cung ứng Dịch vụ Công

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình tập huấn cho nông dân kịp thời, phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng; đặc biệt là bón phân cân đối, hạn chế bón thừa dinh dưỡng, giảm chi phí đầu tư và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của nhà nước, các tiến bộ khoa học và công nghệ đã ứng dụng thành công trên địa bàn xã, các điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp, nông đến tận người dân.

- Theo dõi đánh giá các mô hình trình diễn, mô hình khảo nghiệm giống mới, mô hình sản xuất thử về lúa, ngô,... trong vụ Xuân 2026 và định hướng mở rộng trên địa bàn xã, gắn mô hình sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng phương án phòng trừ dịch bệnh bảo vệ sản xuất vụ Xuân năm 2026 sát đúng với từng loại cây trồng, từng vùng sản xuất của mỗi thôn, bản; dự tính, dự báo chính xác tình hình phát sinh gây hại của sâu bệnh trên các loại cây trồng để có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả. Tuyên truyền, hướng dẫn và quản lý tốt việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn; hạn chế đến mức thấp nhất việc lạm dụng thuốc trong phòng trừ sâu bệnh và diệt cỏ.

- Phân công cán bộ thường xuyên bám sát địa bàn sản xuất tại các thôn, bản để thực hiện tốt công tác dự tính dự báo, chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ xã và các tổ chức thành viên

Căn cứ nhiệm vụ chính trị của các tổ chức, phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chuyên môn để triển khai kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2026 xuống tận các thôn, bản động viên các hội viên, đoàn viên của mình tham gia sản xuất theo kế hoạch đề ra đảm bảo đạt kết quả cao.

5. Công ty TNHH 1 TV Thủy Lợi Tây Nam Nghệ An

- Xây dựng phương án tưới tiêu phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2026, trong đó lưu ý phương án chống hạn cuối vụ, tiêu úng khi có mưa to, nhất là những vùng trọng điểm.

- Phối hợp với Tổ dịch vụ, HTX DVNN với các thôn, bản trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, đồng thời phối hợp với UBND xã để điều tiết nước theo yêu cầu kỹ thuật sản xuất. Xây dựng phương án chống hạn và tiêu thoát nước kịp thời, nhất là vào thời kỳ cuối vụ khi có lũ tiểu mãn xảy ra.

6. Ban chỉ huy các thôn, bản

- Tổ chức hội nghị thôn, bản triển khai kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2026.

- Phối hợp với ban công tác mặt trận tuyên truyền vận động nhân dân tập trung sản xuất khép kín diện tích trên thôn, bản của mình.

- Phối hợp các HTX tổ chức cung ứng giống, vật tư phân bón đến tận người dân để đảm bảo sản phẩm đúng chất lượng và đủ số lượng.

- Kiểm tra báo cáo tình hình sản xuất kịp thời về UBND xã (*qua Tổ chỉ đạo sản xuất hoặc Phòng Kinh tế*) trước 16h hàng ngày.

7. Các HTX dịch vụ Nông nghiệp, Tổ DV NN

- Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2026 của UBND xã để chủ động chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong kế hoạch này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ huy các thôn, bản và các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp để xác định quy mô sản xuất, cơ cấu cây trồng, thời vụ gieo

trồng và các yếu tố kỹ thuật khác để đảm bảo nguồn cung ổn định và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

8. Các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp

- Tuân thủ kế hoạch thời vụ, cơ cấu giống, diện tích gieo trồng do UBND xã ban hành.

- Gieo cấy đúng lịch, đúng loại giống được khuyến cáo nhằm đảm bảo đồng loạt, tránh sâu bệnh và hạn chế rủi ro thiên tai.

- Chuẩn bị đầy đủ giống, phân bón, thuốc BVTV, nhiên liệu, máy móc trước khi vào vụ.

- Chấp hành sự điều hành của UBND xã trong việc điều tiết nước, làm đất, gieo cấy đồng loạt.

Trên đây là nội dung kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2026, vụ sản xuất chiếm tỷ trọng hơn 70% sản lượng cả năm. Vì vậy cần huy động mọi nguồn lực, khắc phục khó khăn, phối hợp chặt chẽ các cấp, các ngành để thực hiện vượt mức mục tiêu nhiệm vụ đặt ra. Yêu cầu các phòng ban, đơn vị, thôn, bản triển khai thực hiện nghiêm túc có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh Nghệ An (b/c);
- Thường trực ĐU - HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND (KT) xã (c/đ);
- UB MTTQ VN xã và các tổ chức TV (p/h);
- Ban chỉ đạo, tổ giúp việc (t/h);
- Trung tâm cung ứng DV công (t/h);
- Các HTX, tổ DV Nông nghiệp (t/h);
- Trưởng thôn các thôn, bản (t/h);
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trần Chương

LỊCH ĐIỀU TIẾT NƯỚC CHO CÂY LÚA VỤ XUÂN

1. Thời gian mở nước phục vụ lúa gieo mạ: Bắt đầu từ 11/1/2026 (23/11/2025 Âm lịch)

TT	Nội dung	Ngày dương lịch	Ngày âm lịch
1	Ngâm ủ lúa lai (24 tiếng)	10/01/2026	22/11/2025
	Lúa thuần (30-36 tiếng) (Dùng nước 2 sôi 3 lạnh)	9/01/2026	21/11/2025
2	Ủ giống	11/01/2026	23/11/2025
3	Gieo mạ	13/01/2026	25/11/2025

2. Thời gian mở nước phục vụ lúa gieo thẳng:

- Khu vực Đức Sơn (cũ): Ngày 19/01/2026 (01/12/2025 ÂL).

- Khu vực Thạch sơn và Phúc Sơn (cũ): 10/1/2026 (22/11/2025)

Lưu ý: Theo lịch gieo thẳng của UBND xã, thời gian gieo thẳng bắt đầu từ ngày 22/01/2026 (tức ngày 04/12/2025 Âm lịch). Việc mở nước sớm nhằm tạo điều kiện cho các hộ dân chủ động lấy nước, làm đất và chuẩn bị ruộng tốt hơn; tránh tình trạng gieo thẳng trước lịch nguy cơ gặp rét đậm, rét hại làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất lúa.

3. Thời gian mở nước phục vụ lúa cấy: Ngày 01/02/2026 (14/12/2025 ÂL)

4. Thời gian mở nước phục vụ lúa đẻ nhánh: Ngày 18/2/2026

5. Lượng đạm cần bón: U rê 5-6 kg/sào + Ka ly 2-3 kg/sào hoặc bón NPK 15-5-20 với lượng 7 - 8 kg/sào.

6. Thời gian mở nước phục vụ lúa đón đòng: Ngày 13/3/2026

7. Lượng đạm cần bón: U rê 1 - 2 kg/sào + Ka ly 3 - 4 kg/sào hoặc bón NPK 15-5-20 với lượng 5 - 6 kg/sào.

8. Thời gian mở nước phục vụ lúa trổ: 8/4/2026

Trên đây là thông báo lịch điều tiết nước cho cây lúa vụ xuân năm 2026, trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi UBND xã sẽ có g báo điều chỉnh sau.

